

Số: 1404 /KH-UBND

Bình Dương, ngày 10 tháng 5 năm 2016

KẾ HOẠCH

Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước tỉnh Bình Dương giai đoạn 2016 - 2020

I. CĂN CỨ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH

Luật Công nghệ thông tin ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Luật Giao dịch điện tử ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2007 của Chính phủ về Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước;

Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 01/7/2014 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế;

Nghị quyết số 26/NQ-CP ngày 15/4/2015 của Chính phủ ban hành chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 01/7/2014 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế;

Nghị quyết số 36a/NQ-CP ngày 14/10/2015 của Chính phủ về Chính phủ điện tử;

Chỉ thị số 15/CT-TTg ngày 17/6/2014 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường công tác đảm bảo an ninh và an toàn thông tin mạng trong tình hình mới;

Quyết định số 63/QĐ-TTg ngày 13/01/2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch phát triển an toàn thông tin số quốc gia đến năm 2020;

Quyết định số 714/QĐ-TTg ngày 22/5/2015 của Thủ tướng Chính phủ Ban hành Danh mục cơ sở dữ liệu quốc gia cần ưu tiên triển khai tạo nền tảng phát triển chính phủ điện tử;

Quyết định số 1819/QĐ-TTg ngày 26/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chương trình quốc gia về Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước giai đoạn 2016 - 2020;

Chương trình hành động số 08-CTr/TU ngày 18/02/2016 của Tỉnh ủy Bình Dương về việc thực hiện Nghị quyết số 36 - NQ/TW ngày 01/7/2014 của Bộ Chính trị (khoá XI) về “Đẩy mạnh ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế”;

Công văn số 1178/BTTTT-THH ngày 21/4/2015 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc ban hành Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam, Phiên bản 1.0;



Công văn số 2634/BTTTT-THH ngày 17/8/2015 của Bộ Thông tin và Truyền thông về hướng dẫn xây dựng kế hoạch ứng dụng CNTT trong hoạt động của CQNN giai đoạn 2016-2020.

II. HIỆN TRẠNG ỨNG DỤNG CNTT

1. Môi trường pháp lý

Công tác xây dựng cơ chế, chính sách cho ứng dụng công nghệ thông tin (*viết tắt là CNTT*) được các ngành, các cấp quan tâm, từng bước hoàn thiện; đến nay UBND tỉnh đã ban hành 10 văn bản quy phạm pháp luật và các Chỉ thị như: Quy chế sử dụng thư điện tử công vụ, quy chế ứng dụng CNTT trong cơ quan nhà nước, quy chế quản lý cán bộ CNTT, quy chế quản lý và sử dụng chứng thư số, quy định về chế độ nhuận bút, thù lao đối với tác phẩm được đăng tải trên cổng/trang thông tin điện tử, chỉ thị về tăng cường sử dụng văn bản điện tử, tăng cường triển khai các hoạt động đảm bảo an toàn thông tin,...

2. Hạ tầng kỹ thuật

- Tỷ lệ cán bộ công chức cấp tỉnh, huyện được trang bị máy tính khoảng: **98% (1.938 máy)**. Số lượng máy chủ: **141 máy**.

- Tỷ lệ cơ quan đã có mạng cục bộ, có kết nối Internet băng thông rộng: **100%**. Tỷ lệ máy tính có kết nối Internet băng thông rộng: **100%**

Hạ tầng mạng: Đã kết nối đến 100% cơ quan hành chính nhà nước cấp tỉnh, huyện, xã với 166 điểm trên cơ sở Mạng truyền số liệu chuyên dùng các cơ quan Đảng và Nhà nước với tốc độ cao (đến 30 Mbps); bên cạnh đó, hạ tầng mạng nội bộ tòa nhà Trung tâm hành chính tỉnh được đầu tư hiện đại, tốc độ 100Mbps-1Gbps đảm bảo cho các đơn vị khai thác các ứng dụng, dịch vụ dùng chung tại Trung tâm dữ liệu tỉnh. Đã phủ sóng WiFi cho 37 cơ quan, hình thành mạng wifi tập trung trong Tòa nhà Trung tâm hành chính, tạo thuận lợi cho cán bộ công chức (*viết tắt là CBCC*) kết nối mạng khi di chuyển trong tòa nhà.

Trung tâm dữ liệu Tỉnh: Được nâng cấp từ kết quả Đề án 112 với các trang thiết bị mạng, bảo mật, máy chủ hiện đại, trên nền công nghệ ảo hoá, phục vụ hoạt động của hệ thống chính quyền điện tử (cổng thông tin điện tử, thư điện tử, hệ thống định danh, hệ thống quản lý văn bản và điều hành, hệ thống một cửa cấp tỉnh, trang thông tin hành chính công,...), từng bước cho phép chuyển dần các hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu (*viết tắt là CSDL*) của các đơn vị về vận hành tập trung.

Bản quyền phần mềm: Đã triển khai bản quyền phần mềm Office của Bộ Thông tin và Truyền thông và thực hiện hợp tác với Microsoft Việt Nam, mua sắm và triển khai 1.580 bản quyền phần mềm Windows XP/7/8.1, Office, chống virus, 70 bản Windows Server 2003/2008/2012, 20 bản SQL Server Standard, 20 bản tường lửa TMG cho 50 cơ quan; trang bị bản quyền cho hệ thống thư điện tử, cổng thông tin, hệ quản trị CSDL Data center cho Trung tâm dữ liệu tỉnh. Đến nay tỉnh đã cơ bản hợp pháp hóa bản quyền phần mềm, đáp ứng nhu cầu đến hết 2016, góp phần đảm bảo an toàn thông tin số.

Hạ tầng đảm bảo an toàn thông tin: Hiện 21/21 Sở, ban, ngành, 09/09 UBND cấp huyện đã được trang bị đầy đủ các thiết bị cơ bản, hạ tầng mạng các cơ quan được chuẩn hóa theo mô hình tường lửa 2 lớp, định tuyến layer 3, VLAN, đáp ứng yêu cầu của Bộ Thông tin và Truyền thông (theo hướng dẫn tại Công văn số 21/BTTTT-VNCERT ngày 18/7/2011). Các hệ thống thông tin dùng chung đều được bảo vệ bởi các thiết bị chuyên dụng, hiện đại, thường xuyên cập nhật. 81% máy tính cá nhân được trang bị phần mềm diệt virus bản quyền.

3. Ứng dụng CNTT trong nội bộ các cơ quan nhà nước

3.1. Ứng dụng CNTT dùng chung

- Ứng dụng CNTT trong các cơ quan hành chính nhà nước được trang bị khá đầy đủ, theo kế hoạch 2011-2015, cụ thể:

Hệ thống thư điện tử (@binhduong.gov.vn): Được vận hành tại Trung tâm dữ liệu tỉnh trên nền Microsoft Exchange với nhiều tính năng được nâng cấp, dung lượng hộp thư được tăng lên, đáp ứng nhu cầu trao đổi thông tin ngày càng cao giữa các cơ quan trong tỉnh. Hiện tổng số hộp thư điện tử được cấp là 5.059 hộp thư (tổ chức: 641, cá nhân: 4.418 hộp thư) cho 100% đối tượng lãnh đạo, cán bộ, công chức, viên chức các cơ quan hành chính từ cấp tỉnh đến cấp xã, tỷ lệ thường xuyên sử dụng là 70%.

Hệ thống phần mềm quản lý văn bản và điều hành trên môi trường mạng: Được chuyển giao từ Sở Thông tin và Truyền thông Tp.HCM (từ đầu năm 2013), hiện đã triển khai cho 25 cơ quan cấp tỉnh và 09 UBND cấp huyện, 36/91 UBND cấp xã, hình thành mạng liên thông văn bản ba cấp, sẵn sàng liên thông văn bản với Văn phòng Chính phủ theo yêu cầu của Nghị quyết 36a/NQ-CP.

Hệ thống thông tin một cửa, một cửa liên thông: Đã được triển khai đồng bộ, liên thông tại 19/19 sở, ban, ngành có thủ tục hành chính được giải quyết tại Trung tâm hành chính công của tỉnh, 09/09 UBND cấp huyện, thí điểm 04 UBND cấp xã, giúp theo dõi, giám sát quá trình luân chuyển hồ sơ trong nội bộ các đơn vị, phục vụ người dân, tổ chức.

Chứng thư số: Đã cấp 211 chứng thư số của Ban Cơ yếu Chính phủ cho Lãnh đạo các sở, ban, ngành, chuyên viên Văn phòng UBND, Văn phòng HĐND tỉnh, UBND cấp huyện, bước đầu các đơn vị, địa phương đã ứng dụng trong việc trao đổi văn bản điện tử giữa các cơ quan, đơn vị.

Các phần mềm quản lý cán bộ công chức, nhân sự, quản lý kế toán – tài chính, tài sản được ứng dụng rộng rãi ở các đơn vị trên địa bàn tỉnh, bước đầu phát huy hiệu quả trong hoạt động quản lý và điều hành.

3.2. Ứng dụng phục vụ chuyên môn nghiệp vụ

Trong giai đoạn 2011-2015, cùng với việc triển khai các ứng dụng ngành dọc, hầu hết các sở, ban, ngành đều có dự án xây dựng các ứng dụng phục vụ quản lý số liệu chuyên ngành đã góp phần tăng tỷ lệ ứng dụng công nghệ thông

tin kết hợp cải cách hành chính trong hoạt động của các cơ quan nhà nước. Một số cơ quan có ứng dụng tốt như:

Công an tỉnh: xây dựng cơ sở dữ liệu dân cư, quản lý khoảng 1.000.000 công dân thường trú, triển khai một số phần mềm quản lý chuyên ngành quản lý trật tự an toàn xã hội.

Sở Giáo dục và Đào tạo: Đã triển khai các phần mềm của Bộ Giáo dục và Đào tạo như: P.EMIS, V.EMIS, Quản lý đăng ký tuyển sinh ĐH-CĐ, Quản lý điểm thi tốt nghiệp THPT, Quản lý mức chất lượng tối thiểu giáo dục tiểu học. Phần mềm Quản lý học sinh (tỉnh đầu tư): quản lý thông tin học sinh, học lực, hạnh kiểm, xếp thời khóa biểu, thông tin cơ bản của giáo viên, phân công giảng dạy, website... cho 27 trường THPT công lập. Cổng thông tin ngành giáo dục đăng tải các thông tin của trường, truy xuất CSDL về học lực, hạnh kiểm, thời khóa biểu... từ phần mềm quản lý học sinh.

Sở Giao thông vận tải: Đưa vào sử dụng cơ sở dữ liệu quản lý giấy phép lái xe thống nhất toàn quốc; phần mềm đổi giấy giấy phép lái xe trực tuyến; phần mềm giám sát hành trình.

Sở Kế hoạch và Đầu tư: đưa vào sử dụng phần mềm Quản lý đầu tư các dự án của tỉnh; xây dựng, cập nhật dữ liệu cho cơ sở dữ liệu doanh nghiệp quốc gia của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Sở Khoa học và Công nghệ (KH-CN): đã và đang triển khai các ứng dụng phục vụ công tác nghiệp vụ như: Quản lý đề tài KH-CN; Quản lý tổ chức đăng ký hoạt động KH-CN; Quản lý dịch vụ KH-CN; Quản lý kiểm định – hiệu chuẩn; Quản lý an toàn bức xạ hạt nhân; Quản lý đăng ký chất lượng sản phẩm; Quản lý thử nghiệm; Quản lý sở hữu trí tuệ; Quản lý công tác thanh tra; Quản lý tập san và bản tin KH-CN; Thư viện điện tử; Quản lý tài sản.

Sở Lao động - Thương binh và Xã hội: ứng dụng phần mềm vào quản lý số liệu trên 07 lĩnh vực An toàn lao động, Dạy nghề, Đối tượng bảo trợ xã hội, Người có công; Trẻ em, Việc làm với trên 30.000 hồ sơ. Xây dựng Hệ thống thông tin thị trường lao động tại Trung tâm giới thiệu việc làm và các sàn giao dịch vệ tinh, các Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện, quản lý 435.738 hồ sơ bảo hiểm thất nghiệp, 67.327 hồ sơ người tìm việc, 24.850 hồ sơ tuyển dụng của doanh nghiệp; phần mềm này đồng bộ số liệu với Website Sàn giao dịch việc làm; hình thành cơ sở dữ liệu thị trường lao động của tỉnh.

Sở Nội vụ: Triển khai phần mềm quản lý cán bộ công chức cấp xã; quản lý thi đua khen thưởng; quản lý tài liệu lưu trữ; tổ chức kỳ thi tuyển công chức năm 2015 trên máy tính đối với các môn thi trắc nghiệm kiến thức chuyên môn nghiệp vụ, Tin học, Anh văn; ứng dụng CNTT trong công tác bầu cử Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp (trang tin điện tử, tổng hợp kết quả bầu cử).

Sở Tài chính: Đưa vào sử dụng các phần mềm chuyên ngành của Bộ Tài chính như TABMIS (Hệ thống Thông tin Quản lý Ngân sách và Kho bạc), Quản lý ngân sách, Quản lý tài sản, Cấp mã số quan hệ ngân sách.

Sở Tài nguyên và môi trường: Đã triển khai nhiều phần mềm tác nghiệp, cơ sở dữ liệu chuyên ngành như: Phần mềm VILIS 2.0: Quản lý khoảng 548.989/584.323 (94%) hồ sơ thuộc lĩnh vực đất đai, hình thành một hệ thống hồ sơ địa chính số thống nhất, đồng bộ và hoàn chỉnh. Phần mềm quản lý kho lưu trữ TT4: Phục vụ công tác lưu trữ hồ sơ, đã số hoá được 7.000/76.578 (10%) hồ sơ tài liệu. Phần mềm quản trức nước tự động: Giúp quản lý dữ liệu quản trức tự động đối với nước thải tại 56 khu công nghiệp và các nguồn thải lớn, với tổng lưu lượng 126.000 m³/ngày, chiếm tỷ lệ 78,8% tổng lượng nước thải công nghiệp trên toàn tỉnh. Và các phần mềm khác: Quản trị CSDL địa chất - khoáng sản, Quản lý môi trường, Atlas điện tử tỉnh Bình Dương,...

Sở Tư pháp: Triển khai phần mềm công chứng tạo điều kiện kiểm soát hợp đồng, giao dịch của các tổ chức hành nghề công chứng, ngăn chặn kịp thời các đối tượng lừa đảo và hạn chế tối đa những rủi ro hoạt động công chứng, bảo đảm lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức cũng như lợi ích các tổ chức hành nghề công chứng. Xây dựng CSDL về Giám định Tư pháp, Luật sư, chứng thực.

Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch: Đưa vào sử dụng bản đồ GIS quản lý 53 di tích và danh thắng, 25 khách sạn xếp sao và 98 nhà nghỉ đạt chuẩn trên địa bàn tỉnh.

Sở Xây dựng: Đưa vào sử dụng Phần mềm quản lý quy hoạch xây dựng và hạ tầng đô thị trên nền GIS, đã chuẩn hoá bản đồ nền toàn tỉnh tỷ lệ 1/2000 và hoàn thành cơ sở dữ liệu quy hoạch phục vụ quản lý địa bàn Thành phố Thủ Dầu Một.

Sở Y tế: Các ứng dụng CNTT phục vụ công tác chuyên môn nghiệp vụ y tế rất đa dạng: Phần mềm quản lý hoạt động khám chữa bệnh tại các bệnh viện tuyến tỉnh (BVĐK tỉnh; BV.PHCN, BV.YHCT), trung tâm y tế tuyến huyện, thị; Hệ thống phần mềm thống kê báo cáo các chương trình mục tiêu y tế quốc gia của hệ y tế dự phòng; Phần mềm quản lý hành nghề y dược tư nhân của Bộ Y tế; các phần mềm chuyên dụng phục vụ công tác cận lâm sàng trong khám, điều trị bệnh: sinh hóa, xét nghiệm, chẩn đoán hình ảnh ...

Thanh tra tỉnh, Văn phòng UBND tỉnh: sử dụng phần mềm quản lý đơn thư khiếu nại tố cáo, thanh tra kinh tế xã hội, thực hiện công khai kết quả giải quyết khiếu nại trực tuyến.

3.3. Tình hình xây dựng CSDL trọng điểm của tỉnh

Kế hoạch giai đoạn 2011-2015 đặt ra nhiệm vụ xây dựng, hoàn thiện 14 CSDL trọng điểm của tỉnh. Đến nay, đã hoàn thành 09 CSDL, 03 CSDL chưa xây dựng, 02 CSDL xin tạm ngưng thực hiện. *(Hiện trạng các CSDL trọng điểm của tỉnh được thống kê trong Phụ lục 2 đính kèm).*

4. Ứng dụng CNTT phục vụ người dân và doanh nghiệp

Cổng thông tin điện tử tỉnh và 05 cổng thành phần đã được xây dựng trên nền công nghệ hiện đại (Microsoft Sharepoint Portal), đáp ứng các tiêu chuẩn kỹ thuật theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông, cung cấp đầy đủ thông tin theo yêu cầu của Nghị định 43/2011/NĐ-CP của Chính phủ, hỗ trợ liên kết

RSS với website các đơn vị, có giao diện đặc thù trên thiết bị di động, có 2 phiên bản tiếng Việt và tiếng Anh.

100% cơ quan hành chính cấp tỉnh, UBND cấp huyện đã có cổng/trang thông tin điện tử, cung cấp thông tin hoạt động ngành, văn bản quy phạm pháp luật, các dịch vụ công mức độ 2, ứng dụng nội bộ, ... đa dạng phục vụ người dân, doanh nghiệp.

Đã xây dựng Trang Thông tin hành chính công tỉnh (dichvucong.binhduong.gov.vn), thực hiện cung cấp 1.810 dịch vụ công mức độ 2 từ cấp tỉnh đến cấp xã (đạt xấp xỉ 100%), 47 dịch vụ công mức 3, hỗ trợ Tra cứu tình trạng xử lý hồ sơ tại bộ phận một cửa cấp tỉnh, cấp huyện, có hệ thống lấy số thứ tự qua mạng, tổng hợp kết quả giải quyết hồ sơ của toàn tỉnh; đăng ký chuyển trả tại nhà. Hệ thống nhắn tin qua đầu số 8283 phục vụ: Tra cứu tình trạng xử lý hồ sơ; Tra cứu và lấy số thứ tự qua tin nhắn SMS.

Một số đơn vị cung cấp dịch vụ công mức 3 bên cạnh Trang Thông tin hành chính công của tỉnh: 02 Ban Quản lý KCN đã cung cấp dịch vụ công mức 3 cho tất cả các thủ tục hành chính của 02 Ban; Sở Tài nguyên và Môi trường: 03 thủ tục (Quản lý chất thải nguy hại, kê khai nộp phí bảo vệ môi trường, Báo cáo giám sát môi trường); Sở Giao thông Vận tải: 13 thủ tục (quản lý vận tải, người lái, giao thông đô thị), UBND thị xã Thuận An: 01 thủ tục (Cấp giấy phép Karaoke).

5. Nguồn nhân lực cho ứng dụng CNTT

5.1. Đào tạo, phát triển nhân lực

Công tác đào tạo, bồi dưỡng kiến thức về CNTT được quan tâm, chú trọng thực hiện góp phần nâng cao trình độ, khả năng ứng dụng CNTT của cán bộ, công chức, viên chức trong công việc. Nội dung các chương trình đào tạo được chú trọng thiết kế theo hướng thực hành, cho nhiều loại đối tượng khác nhau, tập trung vào các công nghệ mới, chuyên đề đảm bảo an toàn thông tin, phù hợp với nhu cầu ứng dụng CNTT hàng năm,... Trong giai đoạn 2011-2015 đã tổ chức được 240 lớp cho 5.635 lượt học viên, với kinh phí thực hiện khoảng 8,7 tỷ đồng.

Hiện 100% cán bộ, công chức tại các cơ quan hành chính cấp tỉnh, UBND cấp huyện thường xuyên sử dụng máy tính để xử lý công việc; 87,55% cán bộ, công chức xã, viên chức sự nghiệp sử dụng máy tính và các tiện ích trên mạng.

5.2. Đội ngũ cán bộ CNTT

Hiện 100% cơ quan hành chính cấp tỉnh, cấp huyện đã có cán bộ CNTT với 137 cán bộ, công chức, viên chức, trong đó: 27 lãnh đạo, 55 chuyên trách, 51 bán chuyên trách, 04 chuyên trách viễn thông, với mức chi ưu đãi hàng năm trung bình khoảng 1,9 tỷ đồng.

Tính đến nay, hầu hết các cán bộ đã tham gia tối thiểu 01 lớp đào tạo kỹ năng chẩn đoán, bảo trì, vận hành hệ thống thông tin nội bộ: Quản trị mạng

MCSA, MCSE, MCITP, CCNA, CCNP,... và có khả năng khắc phục sự cố cơ bản trong hoạt động ứng dụng CNTT tại cơ quan.

6. Thống kê các dự án, kinh phí đầu tư cho ứng dụng CNTT giai đoạn 2010-2015

Giai đoạn 2011-2015, tỉnh đã thực hiện có 09 dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2008 – 2010 (giải ngân 98,3 tỷ đồng), 10 dự án trong kế hoạch (62,6 tỷ), 05 dự án ngoài kế hoạch (18,7 tỷ) và thực hiện 32 đề cương và dự toán chi tiết sử dụng vốn sự nghiệp với kinh phí thực hiện 40,2 tỷ đồng.

Chi tiết các dự án được thể hiện trong Phụ lục 01 (*gửi kèm theo*).

7. Đánh giá chung

7.1. Ưu điểm

Lãnh đạo tỉnh luôn quan tâm chỉ đạo đẩy mạnh ứng dụng CNTT phục vụ công tác cải cách hành chính, nâng cao hiệu quả hoạt động của cơ quan nhà nước, phục vụ người dân và doanh nghiệp, tạo điều kiện thuận lợi về kinh phí cho hoạt động ứng dụng CNTT.

Công tác quản lý nhà nước trong ứng dụng CNTT ngày càng hoàn thiện, với việc ban hành nhiều quy chế, quy định cụ thể.

Hạ tầng CNTT trong khối cơ quan nhà nước cấp tỉnh, huyện đã được đầu tư gần như hoàn chỉnh với số lượng máy tính cá nhân, máy chủ đáp ứng nhu cầu công việc hàng ngày, nhu cầu triển khai các ứng dụng CNTT, đảm bảo an toàn thông tin. Hạ tầng mạng sử dụng công nghệ đa dạng, hiện đại như kết nối mạng LAN, cáp quang, mạng không dây đáp ứng nhu cầu kết nối trong nội bộ, giữa các cơ quan cũng như kết nối ra Internet.

Ứng dụng CNTT trong quản lý hành chính, phục vụ tổ chức, công dân được quan tâm đầu tư và chuẩn hóa, nhiều cơ quan đã đưa vào sử dụng các phần mềm quản lý chuyên ngành, góp phần nâng cao năng lực quản lý, hiệu suất làm việc, chất lượng phục vụ. 100% cơ quan đã sử dụng phần mềm quản lý văn bản, phần mềm một cửa điện tử.

Công tác đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực và thực hiện chính sách ưu đãi về CNTT đã được quan tâm thực hiện đã nâng cao trình độ, năng lực ứng dụng, sử dụng CNTT trong công việc của đại bộ phận cán bộ, công chức, viên chức.

7.2. Hạn chế

Một bộ phận Lãnh đạo cơ quan, đơn vị chưa gương mẫu ứng dụng CNTT trong giải quyết công việc và chưa quyết liệt chỉ đạo đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong đơn vị mình.

Chưa có một kiến trúc tổng thể để xây dựng chính quyền điện tử một cách bài bản. Hạ tầng CNTT cấp xã còn manh mún, chưa được chuẩn hoá để đáp ứng yêu cầu triển khai ứng dụng CNTT. Việc ứng dụng CNTT trong các cơ quan nhà nước còn rời rạc, chưa liên thông và tích hợp dữ liệu với nhau. Chưa thể chia sẻ,

liên thông dữ liệu với các ứng dụng ngành dọc. Nhiều cơ quan chưa sử dụng tốt các phần mềm quản lý chuyên ngành, chưa hình thành được môi trường làm việc điện tử. Việc ứng dụng chữ ký số còn chậm, tỷ lệ cán bộ, công chức thường xuyên sử dụng hộp thư điện tử công vụ chưa cao, tỷ lệ trao đổi văn bản điện tử giữa các cơ quan còn hạn chế. Các cơ sở dữ liệu nền tảng cho chính quyền điện tử như dân cư, doanh nghiệp, bản đồ nền, đất đai, xây dựng... chưa được xây dựng hoàn thiện.

Nhiều trang thông tin điện tử (website) cơ quan nhà nước còn mang tính hình thức, chưa thực sự là kênh thông tin giao tiếp giữa chính quyền và người dân, doanh nghiệp. Việc triển khai dịch vụ công trực tuyến mức độ 3,4 còn chậm, tỷ lệ người dân, doanh nghiệp nộp hồ sơ trực tuyến rất thấp. Trình độ ứng dụng CNTT của nhiều cán bộ công chức dừng ở mức cơ bản, nhận thức về bảo đảm an toàn thông tin chưa cao.

III. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

- Ứng dụng hiệu quả CNTT trong tất cả lĩnh vực quản lý của các cấp chính quyền, bảo đảm dữ liệu điện tử phục vụ hầu hết các hoạt động của cơ quan nhà nước các cấp, nhằm tăng tốc độ xử lý công việc, giảm chi phí hoạt động, xây dựng Chính quyền điện tử, góp phần xây dựng tỉnh Bình Dương trở thành đô thị thông minh theo hướng bền vững, văn minh, hiện đại và hội nhập quốc tế.

- Đẩy mạnh cung cấp thông tin, dịch vụ công trực tuyến mức độ 3,4 đáp ứng nhu cầu thực tế, công khai, minh bạch, phục vụ mọi lúc, mọi nơi, dựa trên nhiều phương tiện khác nhau nhằm làm giảm số lần và thời gian thực hiện thủ tục hành chính của người dân, doanh nghiệp.

- Tích hợp, kết nối các hệ thống thông tin, CSDL trọng điểm của tỉnh với nhau và với các hệ thống cấp quốc gia, tạo lập môi trường chia sẻ thông tin qua mạng rộng khắp giữa các cơ quan trên cơ sở Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam và Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Bình Dương.

- Xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật CNTT hiện đại, đồng bộ, đảm bảo an toàn, an ninh thông tin, hình thành môi trường làm việc điện tử liên thông, rộng khắp, phát triển các cơ sở dữ liệu trọng điểm của tỉnh.

- Đẩy mạnh việc đào tạo và sử dụng nguồn nhân lực, đảm bảo đáp ứng các yêu cầu ứng dụng và phát triển CNTT.

- Thực hiện thành công các mục tiêu hàng năm của Chính phủ về Chính phủ điện tử.

2. Mục tiêu cụ thể giai đoạn 2016 - 2020

2.1. Hạ tầng công nghệ thông tin

- Phần đầu 100% cán bộ công chức cấp xã được trang bị máy tính làm việc. 100% hạ tầng mạng nội bộ UBND cấp xã được chuẩn hoá, đảm bảo an toàn thông tin tối thiểu, đáp ứng nhu cầu triển khai ứng dụng đến cấp xã.

- 100% các cơ quan từ cấp huyện trở lên có máy tính riêng để xử lý các loại văn bản mật.

- Cơ bản hoàn thành các cơ sở dữ liệu trọng điểm như: dân cư, doanh nghiệp, bản đồ nền, đất đai, xây dựng và các cơ sở dữ liệu khác; các cơ sở dữ liệu phải đáp ứng được nhu cầu tích hợp, phân tích, hoạch định, mô hình hoá và dự báo kết quả, hỗ trợ ra quyết định cho lãnh đạo các cấp.

- 100% hệ thống thông tin của các cơ quan cấp tỉnh, UBND cấp huyện được đánh giá thường xuyên về an toàn thông tin.

- Hoàn thành đầu tư nâng cấp Trung tâm dữ liệu của tỉnh, đưa các hệ thống thông tin và CSDL, phần mềm dùng chung.... của tỉnh và các đơn vị, địa phương tích hợp vào trung tâm dữ liệu tỉnh.

- Triển khai hội nghị truyền hình trực tuyến ít nhất đến cấp huyện với chất lượng HD.

- 100% đối tượng theo quy định tại điều 5, chương II, Quyết định số 69/2014/QĐ-UBND ngày 30/12/2014 sử dụng chứng thư số được cấp.

- 100% các cơ quan hành chính cấp tỉnh, huyện triển khai hệ thống mạng riêng ảo (VPN) để cung cấp dịch vụ nội bộ cho người dùng khi ra ngoài cơ quan.

2.2. Ứng dụng CNTT trong nội bộ cơ quan nhà nước

- 100% cán bộ lãnh đạo cấp tỉnh, huyện chỉ đạo điều hành công việc qua phần mềm, hộp thư điện tử công vụ.

- 100% các văn bản không mật trình UBND tỉnh dưới dạng điện tử, 80% văn bản trao đổi giữa các cơ quan nhà nước được gửi dưới dạng điện tử và văn bản giấy, đồng thời được ký số.

- Phân đầu 100% UBND cấp xã sử dụng phần mềm quản lý văn bản, phần mềm một cửa điện tử liên thông.

- Phân đầu 100% cán bộ, công chức trên địa bàn tỉnh sử dụng hộp thư điện tử công vụ trong trao đổi văn bản, công việc.

- Trên 90% các thông tin, dữ liệu về tài nguyên và môi trường phải được quản lý, tích hợp, chia sẻ và thường xuyên cập nhật tình trạng thông qua các hệ thống thông tin quản lý tài nguyên và môi trường

- 100% Trung tâm Y tế tuyến huyện sử dụng hệ thống phần mềm quản lý khám, chữa bệnh, quản lý tổng thể bệnh viện.

- 100% dữ liệu cấp phép về lĩnh vực Công nghiệp, Thương mại được quản lý, tra cứu và thường xuyên cập nhật thông qua Cổng thông tin điện tử Sở Công Thương.

- Ứng dụng mạnh mẽ CNTT trong tất cả các ngành, lĩnh vực theo hướng triển khai các ứng dụng thông minh, hỗ trợ lãnh đạo ra quyết định, trong đó tập trung vào các lĩnh vực bức xúc, cấp bách như: quản lý và phát triển đô thị, tài nguyên – môi trường, giao thông, giáo dục, y tế,

Đầu tư nâng cấp Trung tâm dữ liệu của tỉnh hiện đại, theo tiêu chuẩn quốc tế, đảm bảo khả năng dự phòng, trên nền công nghệ ảo hoá, điện toán đám mây đáp ứng nhu cầu lưu trữ, vận hành các cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin dùng chung của tỉnh, từng bước cung cấp các dịch vụ hạ tầng (IaaS), dịch vụ nền tảng

2.3. Ứng dụng CNTT để phục vụ người dân và doanh nghiệp

- 100% công/trang thông tin điện tử của các cơ quan hành chính cấp tỉnh, cấp huyện cung cấp đầy đủ các nội dung theo quy định tại Nghị định 43/2011/NĐ-CP ngày 13/6/2011 và kỹ thuật đáp ứng theo các văn bản hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông.

- 100% dịch vụ công trực tuyến mức độ 3,4 theo yêu cầu của Chính phủ được cung cấp trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh (Danh mục các dịch vụ công ưu tiên thực hiện được đính kèm trong Phụ lục 4).

- Tối thiểu 50% số lượng các gói thầu chào hàng cạnh tranh, 40% số lượng các gói thầu quy mô nhỏ đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế trên địa bàn tỉnh thực hiện lựa chọn nhà thầu qua mạng.

- Tỷ lệ cấp đăng ký doanh nghiệp qua mạng đạt 20%.

- Tỷ lệ cấp giấy chứng nhận đầu tư qua mạng đạt 10%.

2.4. Nguồn nhân lực công nghệ thông tin

- Hầu hết CBCCVC và người lao động sử dụng thành thạo máy tính trong công việc.

- 100% các cơ quan cấp tỉnh, cấp huyện có cán bộ chuyên trách CNTT.

IV. NỘI DUNG KẾ HOẠCH

1. Hoàn thiện, bổ sung môi trường pháp lý

Xây dựng, ban hành và triển khai Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Bình Dương, phù hợp với Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam, phiên bản 1.0 (ban hành theo Văn bản số 1178/TT-BTTTT ngày 21/4/2015 của Bộ Thông tin và Truyền thông).

Xây dựng các quy chế vận hành và khai thác Hệ thống thông tin tài nguyên môi trường, Hệ thống phần mềm quản lý văn bản, Hệ thống một cửa điện tử và các hệ thống phần mềm, CSDL dùng chung khác; quy định về lưu trữ văn bản điện tử.

Có chính sách đảm bảo kinh phí để duy trì hoạt động, bảo trì, nâng cấp các phần mềm đã đầu tư để đáp ứng các thay đổi trong hoạt động của các cơ quan, đơn vị.

Có cơ chế, chính sách khuyến khích các tổ chức, người dân, doanh nghiệp thực hiện các giao dịch điện tử, khai thác, sử dụng dịch vụ công trực tuyến.

2. Phát triển hạ tầng kỹ thuật

Nâng cấp, chuẩn hoá hạ tầng CNTT tại UBND cấp xã đáp ứng nhu cầu làm việc của cán bộ công chức, triển khai các ứng dụng CNTT dùng chung và chuyên ngành đến cấp xã.

Hoàn thiện hạ tầng CNTT tại Văn phòng UBND cấp huyện trở thành đầu mối cung cấp các dịch vụ, phần mềm dùng chung cho các UBND cấp xã và các phòng, ban trực thuộc.

Xây dựng, triển khai Kế hoạch Ứng dụng hệ thống thông tin địa lý (GIS) trong hoạt động quản lý của các cơ quan nhà nước tỉnh Bình Dương, trong đó tập trung hoàn chỉnh Cơ sở dữ liệu bản đồ nền toàn tỉnh, các cơ sở dữ liệu

Ngành Xây dựng: Tiếp tục xây dựng, đưa vào sử dụng, cập nhật thường xuyên cơ sở dữ liệu quy hoạch xây dựng và hạ tầng đô thị cho 08 huyện, thị xã còn lại; bổ sung xây dựng các cơ sở dữ liệu chuyên ngành khác.

Ngành Y tế: Triển khai, ứng dụng phần mềm quản lý khám chữa bệnh cho tất cả các Trung tâm Y tế tuyến huyện và tuyến xã; thực hiện quản lý, liên thông dữ liệu khám chữa bệnh giữa các Bệnh viện, Trung tâm Y tế trong tỉnh, liên thông dữ liệu thanh toán BHYT của các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh với Bảo hiểm y tế; nâng cấp hệ thống quản lý bệnh viện tại Bệnh viện đa khoa tỉnh; tăng cường ứng dụng các tiến bộ về CNTT trong công tác chẩn đoán, điều trị, khám chữa bệnh từ xa.

3.3. Xây dựng cơ sở dữ liệu dùng chung và chuyên ngành

- Tiếp tục nâng cấp, hoàn thiện các CSDL đã xây dựng trong giai đoạn 2010-2015 như dân cư, đất đai, xây dựng, cán bộ công chức, văn bản quy phạm pháp luật, lao động, đơn thư khiếu nại tố cáo,...; các cơ sở dữ liệu phải đáp ứng được nhu cầu tích hợp, phân tích, hoạch định, mô hình hoá và dự báo kết quả, hỗ trợ ra quyết định cho lãnh đạo các cấp.

- Xây dựng các CSDL mới như: CSDL doanh nghiệp (Sở Kế hoạch và Đầu tư), CSDL bệnh án điện tử (Sở Y tế).

- Triển khai các ứng dụng nghiệp vụ liên thông chuyên ngành để cập nhật, khai thác các cơ sở dữ liệu.

4. Ứng dụng CNTT phục vụ người dân và doanh nghiệp

Nâng cấp Trang Thông tin hành chính công tỉnh Bình Dương đáp ứng yêu cầu là đầu mối cung cấp dịch vụ công trực tuyến tập trung ba cấp từ tỉnh tới xã và triển khai các dịch vụ công trực tuyến mức độ 3,4 theo yêu cầu của Chính phủ và các cơ quan hành chính cấp tỉnh, cấp huyện theo từng giai đoạn. Tích hợp hệ thống thanh toán điện tử nhằm phục vụ nhu cầu thanh toán cho dịch vụ công mức độ 3,4.

Tổ chức, xây dựng các kênh thông tin, đối thoại trực tuyến với người dân, doanh nghiệp (như mạng xã hội, diễn đàn điện tử,...) về hoạt động của các cơ quan nhà nước, nâng cao hiệu quả tiếp nhận, xử lý ý kiến của người dân, doanh nghiệp trên môi trường mạng.

Triển khai Trung tâm hỗ trợ người dân và doanh nghiệp thực hiện thủ tục hành chính (contact center) tại Trung tâm hành chính tỉnh và Bộ phận một cửa các cấp.

Cung cấp các dịch vụ tra cứu trực tuyến dữ liệu chuyên ngành phục vụ nhu cầu cho người dân và doanh nghiệp trên các lĩnh vực: quy hoạch đô thị, đất đai,...

5. Tăng cường bảo đảm an toàn, an ninh thông tin mạng

- Tiếp tục rà soát, đầu tư trang thiết bị tăng cường bảo đảm an toàn thông tin, ưu tiên các hệ thống thông tin thông tin phục vụ người dân, doanh nghiệp và

hệ thống trung tâm dữ liệu; nâng cao tính an toàn, bảo mật hạ tầng mạng, ứng dụng của các cơ quan, đơn vị.

- Tiếp tục triển khai các nội dung của Kế hoạch Triển khai chữ ký số được phê duyệt tại Quyết định 2173/QĐ-UBND ngày 09/09/2013 của UBND tỉnh, đẩy mạnh ứng dụng chữ ký số trong các giao dịch giữa các cơ quan nhà nước với nhau và với doanh nghiệp, người dân.

- Thực hiện kiểm tra, đánh giá về an toàn thông tin định kỳ hàng năm cho các hệ thống thông tin trọng yếu của tỉnh và các hệ thống khác. Xây dựng các phương án phát hiện, xử lý sự cố mất an toàn thông tin phù hợp với thực tế của các đơn vị.

- Triển khai xây dựng hệ thống an toàn thông tin theo tiêu chuẩn ISO/IEC 27001:2013 cho các trung tâm dữ liệu dùng chung và chuyên ngành như: Trung tâm dữ liệu tỉnh, Trung tâm dữ liệu ngành Tài nguyên và Môi trường,...

Tiếp tục triển khai hệ thống mạng riêng ảo (VPN) tại các cơ quan có nhu cầu truy cập dữ liệu nội bộ từ Internet.

6. Nguồn nhân lực cho ứng dụng CNTT

- Tiếp tục thực hiện các nội dung của Quyết định số 70/QĐ-UBND ngày 09/01/2013 về việc phê duyệt “Dự án đảm bảo nguồn nhân lực công nghệ thông tin trong cơ quan nhà nước tỉnh Bình Dương giai đoạn 2013-2017” và xây dựng, tổ chức thực hiện Dự án mới trong giai đoạn 2017-2020 theo hướng: đào tạo bồi dưỡng CNTT cho cán bộ, công chức, viên chức đến cấp xã gắn liền với việc sử dụng các phần mềm được triển khai, cập nhật công nghệ, kỹ năng mới, khai thác các ứng dụng văn phòng nâng cao; nâng cao năng lực của cán bộ chuyên trách, bán chuyên trách CNTT, tiếp nhận chuyển giao các công nghệ mới; đảm bảo nguồn nhân lực về an toàn thông tin.

- Tăng cường năng lực đảm bảo an toàn thông tin cho cán bộ, lực lượng đảm bảo an toàn thông tin mạng như: Các khoá đào tạo kỹ năng cơ bản, chuyên sâu về an toàn thông tin cho cán bộ kỹ thuật; Đào tạo kiến thức về an toàn thông tin cho cán bộ quản lý.

- Thành lập và duy trì đội ngũ chuyên gia giải quyết các tình huống quản trị hệ thống đòi hỏi chuyên môn sâu, các sự cố mất an toàn thông tin vượt tầm của đội ngũ cán bộ chuyên trách CNTT.

- Bổ sung chế độ ưu đãi cho nhân lực phụ trách CNTT cho cấp xã (trường hợp chưa vào biên chế).

- Tổ chức các lớp đào tạo, tập huấn, hỗ trợ các đối tượng liên quan (người dân, doanh nghiệp) sử dụng hiệu quả các dịch vụ công trực tuyến được cung cấp.

V. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Giải pháp tài chính

- Bảo đảm nguồn kinh phí cho ứng dụng CNTT trong kế hoạch ngân sách hàng năm của tỉnh, địa phương. Dành tối thiểu 1-2% tổng chi thường xuyên ngân sách địa phương cho hoạt động ứng dụng, phát triển CNTT.

- Ưu tiên sử dụng hình thức thuê dịch vụ CNTT theo Quyết định số 80/2014/QĐ-TTg ngày 30/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ Quy định thí điểm về thuê dịch vụ CNTT trong cơ quan nhà nước và đầu tư theo hình thức đối tác công tư (PPP).

2. Giải pháp triển khai

- Có hướng dẫn chung trên quy mô toàn tỉnh về việc xây dựng kế hoạch, dự án ứng dụng CNTT trong hoạt động của các cơ quan nhà nước.

- Việc liên thông, tích hợp, chia sẻ dữ liệu phải tuân thủ theo các tiêu chuẩn, quy định và Kiến trúc chính quyền điện tử của tỉnh.

- Áp dụng các công nghệ mới, triển khai các ứng dụng, hạ tầng dùng chung theo mô hình tập trung để đảm bảo khả năng triển khai, nâng cấp, vận hành, đảm bảo an toàn thông tin.

- Lựa chọn triển khai điểm mô hình ứng dụng CNTT điển hình ở các cấp, phổ biến triển khai nhân rộng.

- Tăng cường sự phối hợp giữa các cơ quan nhà nước và các doanh nghiệp để thực hiện tốt việc triển khai các hệ thống thông tin theo kế hoạch.

3. Giải pháp tổ chức, điều hành

- Kiện toàn, tăng cường hoạt động của Ban Chỉ đạo CNTT Tỉnh; Nâng cao vai trò, trách nhiệm của lãnh đạo CNTT ở các cấp, các ngành.

- Kiện toàn và phát huy vai trò bộ máy quản lý nhà nước về an toàn thông tin, các cơ quan hành chính cấp tỉnh, huyện có Lãnh đạo chuyên trách về an toàn thông tin.

- Người đứng đầu các cơ quan phải chủ động, có quyết tâm chính trị cao, theo sát và ủng hộ quá trình ứng dụng CNTT vào cơ quan mình. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị phải kiểm điểm trách nhiệm trước Chủ tịch UBND tỉnh nếu không hoàn thành các nhiệm vụ được giao trong Kế hoạch này.

- Lãnh đạo các ngành, địa phương phải gương mẫu trong học tập và ứng dụng CNTT trong điều hành, giải quyết công việc (như sử dụng thư điện tử, phần mềm quản lý văn bản, chữ ký số,...); tạo bước chuyển biến trong lề lối làm việc, gắn kết chặt chẽ ứng dụng CNTT với cải cách hành chính trên cơ sở áp dụng thống nhất hệ thống thông tin điều hành tác nghiệp.

- Kết hợp chặt chẽ việc triển khai Kế hoạch này với Chương trình cải cách hành chính để việc ứng dụng CNTT thực sự thúc đẩy cải cách hành chính và tăng hiệu quả của ứng dụng CNTT.

4. Giải pháp môi trường chính sách

- Xây dựng các hướng dẫn, mô hình mẫu, quy trình, quy chế triển khai ứng dụng trong khối nhà nước.

- Xây dựng quy định về thi đua khen thưởng: Kết quả triển khai ứng dụng CNTT của cơ quan nhà nước là một trong những tiêu chí xét thi đua hàng năm.

5. Giải pháp nâng cao nhận thức, đào tạo, đảm bảo nguồn nhân lực

- Đẩy mạnh tuyên truyền, nâng cao nhận thức về vai trò, vị trí và ý nghĩa thực tiễn của CNTT trong phát triển kinh tế - xã hội. Phổ biến các vấn đề mới, công nghệ mới trong ứng dụng CNTT đến các cơ quan, đơn vị trong tỉnh thông qua hình thức hội thảo, hội nghị chuyên ngành hàng năm.

- Tiếp tục đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng ứng dụng CNTT cho cán bộ lãnh đạo, CBCCV, bồi dưỡng, tập huấn nghiệp vụ cho cán bộ chuyên trách, bán chuyên trách CNTT.

- Thực hiện thuê chuyên gia giỏi về CNTT để thực hiện các nhiệm vụ chuyên sâu.

6. Giải pháp giám sát, kiểm tra thực hiện Kế hoạch

- Thường xuyên kiểm tra, đánh giá tình hình ứng dụng CNTT trong các cơ quan nhà nước dựa trên các chỉ tiêu định lượng cụ thể để có những giải pháp thúc đẩy kịp thời.

- Các cơ quan chủ trì thực hiện nhiệm vụ, dự án, các đơn vị triển khai mô hình điểm có trách nhiệm báo cáo theo quý và đột xuất về tình hình triển khai Kế hoạch.

- Tổ chức đánh giá, tổng kết rút kinh nghiệm báo cáo UBND tỉnh, Bộ Thông tin và Truyền thông những khó khăn vướng mắc trong quá trình triển khai Kế hoạch, từ đó có những điều chỉnh phù hợp cho việc triển khai những năm tiếp theo.

VI. KINH PHÍ, DANH MỤC, LỘ TRÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ

1. Nguồn kinh phí thực hiện kế hoạch

- Ngân sách tỉnh và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

- UBND các huyện, thị xã, thành phố trên cơ sở nội dung Kế hoạch này, chủ động xây dựng Kế hoạch ứng dụng CNTT của địa phương và bố trí ngân sách để thực hiện.

- Khuyến khích việc huy động các nguồn kinh phí ngoài ngân sách tỉnh để triển khai các nội dung Kế hoạch này.

2. Dự kiến kinh phí thực hiện

- Có 21 dự án đầu tư mới đã được đưa vào kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 với tổng khái toán: 310,7 tỷ đồng.

- Các nhiệm vụ còn lại của kế hoạch được thực hiện bằng nguồn vốn chi sự nghiệp hàng năm.

3. Danh mục, lộ trình các dự án đầu tư

- Danh mục, lộ trình các dự án đầu tư mới đến năm 2020 được thể hiện trong Phụ lục 3 (gửi kèm theo).

- Các cơ quan chủ trì thực hiện các dự án nêu trong danh mục trên, có trách nhiệm tổ chức xây dựng, trình phê duyệt và triển khai theo đúng quy định hiện hành, bảo đảm sự lồng ghép về nội dung, kinh phí với các chương trình, kế hoạch, dự án chuyên ngành đang triển khai (nếu có), tránh trùng lặp, lãng phí.

VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Thông tin và Truyền thông

- Sở Thông tin và Truyền thông là cơ quan chủ trì, phối hợp với các sở, ban ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố, các doanh nghiệp tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch này.

- Đề xuất, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét phê duyệt điều chỉnh các nội dung của Kế hoạch đảm bảo phù hợp với tiến độ và tình hình thực tế thực hiện. Định kỳ báo cáo kết quả thực hiện về UBND tỉnh.

- Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, xem xét tham mưu điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2016-2020 theo quy định để đảm bảo cân đối vốn thực hiện kế hoạch.

- Làm chủ đầu tư, tổ chức triển khai, tổng hợp tình hình thực hiện các dự án ứng dụng CNTT được giao.

- Hướng dẫn các đơn vị nội dung ứng dụng CNTT, nội dung, thủ tục đầu tư, định mức, tiêu chuẩn kỹ thuật, cấu hình trang thiết bị tin học, đảm bảo đầu tư mua sắm, trang bị đồng bộ, thống nhất.

- Chủ trì phối hợp các đơn vị có liên quan tổ chức tổng kết, đánh giá kết quả triển khai thực hiện để rút ra kinh nghiệm.

2. Sở Nội vụ

- Chủ trì xây dựng quy định về thi đua khen thưởng: Đưa kết quả triển khai ứng dụng CNTT của cơ quan nhà nước là một trong những tiêu chí xét thi đua hàng năm.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông tổ chức xây dựng và thực hiện các giải pháp nhằm kết hợp chặt chẽ việc triển khai Kế hoạch này với Chương trình cải cách hành chính.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông tổng hợp, trình UBND tỉnh quyết định việc bố trí vốn đầu tư phát triển từ ngân sách Trung ương hỗ trợ, ngân sách tỉnh cho các dự án, nhiệm vụ trong dự toán ngân sách hàng năm cho ứng dụng CNTT của các cơ quan nhà nước, đảm bảo cân đối, bố trí vốn thực hiện kế hoạch theo đúng tiến độ.

4. Sở Tài chính

- Cân đối, bố trí ngân sách hàng năm cho các dự án, nhiệm vụ ứng dụng CNTT của các cơ quan nhà nước, bố trí kinh phí đảm bảo hoạt động thường xuyên cho CNTT đối với các cơ quan đơn vị.

- Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông tham mưu ban hành các quy định, chính sách về kinh phí chi cho CNTT.

5. Các sở, ban, ngành và UBND cấp huyện

Chủ động thực hiện các nhiệm vụ được giao trong Kế hoạch, đặc biệt là công tác triển khai các dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 trong phạm vi của mình. Bên cạnh đó, có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ với Sở Thông tin và Truyền thông và các đơn vị liên quan trong quá trình tổ chức thực hiện Kế hoạch, đảm bảo tính thống nhất giữa các sở ngành và UBND cấp huyện./.

Nơi nhận:

- Bộ TTTT;
- TT.TU, TT.HĐND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành (18);
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Lưu: VT, HCTC, Hưu, 34

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Đặng Minh Hưng



Phụ lục 1

MỤC CÁC DỰ ÁN CNTT GIAI ĐOẠN 2010-2015

(Ban hành kèm theo Kế hoạch số 144/KH-UBND ngày 10/5/2016 của UBND tỉnh)

Nhóm các dự án sử dụng nguồn vốn đầu tư

STT	Chủ đầu tư	Tên dự án	Trạng thái	TMĐT (triệu đồng)	Nguồn vốn	Thời gian thực hiện
Nhóm các dự án chuyển tiếp				95.832		
1	Trung tâm Tin học và Thông tin Khoa học công nghệ	Đầu tư trang thiết bị cho Trung tâm Tin học và Thông tin Khoa học công nghệ tỉnh Bình Dương	Đang thực hiện đầu thầu	7.949	TW	2013-2015
2	Sở Giáo dục và Đào tạo	Ứng dụng CNTT trong công tác quản lý ngành giáo dục và đào tạo tỉnh Bình Dương	Hoàn thành 2014	6.700	ĐT	2010-2012
3	Sở Tài nguyên Môi trường	"Xây dựng hệ thống thông tin phục vụ công tác quản lý tài nguyên và môi trường"	Đang thực hiện	65.000	ĐT	2013-2016
4	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Ứng dụng CNTT tại Sở KHĐT	Hoàn thành 2014	1.300	ĐT	2011-2013
5	Đại học Thủ Dầu Một	Tin học hoá thư viện trường ĐH Thủ Dầu Một	Hoàn thành 2011	2.231	ĐT	2010-2011
6	Sở Nội vụ	Ứng dụng CNTT tại Sở Nội vụ giai đoạn 2 (2009-2011)	Hoàn thành 2011	2.768	ĐT	
7	Trung tâm Giới thiệu việc làm (Sở LĐTBXH)	Xây dựng hệ thống thông tin lao động và thị trường lao động giai đoạn 2	Hoàn thành 2011	4.900	TW	2010-2012
8	Trường Trung học Văn hoá Nghệ thuật	Ứng dụng công nghệ thông tin của trường Trung học Văn hoá Nghệ thuật	Hoàn thành 2011	2.384	ĐT	2010-2011
9	Sở Khoa học và Công nghệ	Ứng dụng công nghệ thông tin tại Sở Khoa học và Công nghệ	Hoàn thành 2013	2.600	ĐT	2008-2012
Nhóm các dự án trong Kế hoạch 2011-2015				62.623		
11	Sở VH TT & DL	Ứng dụng công nghệ thông tin tại Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch giai đoạn 2012-2014	Hoàn thành 2015	2.239	ĐT	2013-2015
12	Sở Xây dựng	Xây dựng hệ thống thông tin địa lý và các phần mềm chuyên ngành Xây dựng giai đoạn 1	Hoàn thành 2015	2.863	ĐT	2013-2015
13	Sở Tài nguyên và Môi trường	Triển khai thí điểm phần mềm 1 cửa điện tử	Hoàn thành 2014	1.047	ĐT	2013-2015
14	Công an tỉnh	CSDL dân cư	Đang thực hiện	21.000	ĐT	2013-2015
15	BQL Khu công nghiệp VSIP	Ứng dụng CNTT tại Ban quản lý VSIP	Hoàn thành 2015	2.345	ĐT	2012-2014

STT	Chủ đầu tư	Tên dự án	Trạng thái	TMDT Phê duyệt (triệu đồng)
1	Sở Thông tin và Truyền thông	Xây dựng hệ thống định danh toàn tỉnh	Đang lựa chọn nhà thầu	2.061
2	Sở Thông tin và Truyền thông	Quản lý nghiệp vụ tại Sở TTTT	Đang lựa chọn nhà thầu	918
3	Sở Công Thương	Nâng cấp website Sở Công Thương	Đang thực hiện	98
4	UBND TP Thủ Dầu Một	mua sắm bộ sung trang thiết bị CNTT tại UBND TP. Thủ Dầu Một.	Đang thực hiện	700
5	Ban BVCSK CB	Ứng dụng CNTT tại Ban BVCSK CB	Đang thực hiện	947
6	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Nâng cấp website Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Đang thực hiện	976
7	Sở Tư pháp	Xây dựng và triển khai Phần mềm quản lý công chứng	Đang triển khai gói thầu	1.024

2. Nhóm các hoạt động ứng dụng CNTT sử dụng vốn sử nghiệp

STT	Chủ đầu tư	Tên dự án	Trạng thái	TMDT (triệu đồng)	Nguồn vốn	Thời gian thực hiện
16	Đại học Thủ Dầu Một	Ứng dụng Công nghệ thông tin tại trường Đại học Thủ Dầu Một	Hoàn thành	2.282	DT	2012-2014
17	Văn phòng UBND tỉnh	Trang bị phần mềm tác nghiệp, nâng cấp mạng tin học Văn phòng	Hoàn thành	5.670	DT	2011-2013
18	Trung tâm Giới thiệu việc làm (Sở LĐTBXH)	Hỗ trợ phát triển thị trường lao động.	Hoàn thành	4.015	DT	2012-2013
19	Sở Thông tin và Truyền thông	Ứng dụng CNTT tại Khu Hành chính mở	Đang thực hiện	10.697	DT	2014-2016
20	Trung tâm TTTBT	Nâng cấp phòng máy của Trung tâm thông tin điện tử	Hoàn tất	6.493	DT	2014-2015
21	Sở Lao động Thương Binh và Xã hội	Ứng dụng CNTT tại Sở Lao động Thương Binh và Xã hội	Hoàn tất	3.972	DT	2013-2015
Nhóm các dự án ngoài Kế hoạch 2011-2015						
22	Bảo Bình Dương	Trang bị bộ sung thiết bị phục vụ Bảo Bình Dương điện tử giai đoạn 1	Hoàn thành	4.903	DT	2013-2015
23	Bệnh viện Điều dưỡng - Phục hồi chức năng	Ứng dụng CNTT trong hoạt động khám chữa bệnh	Hoàn thành	5.066	DT	2013-2015
24	Thư viện tỉnh	Ứng dụng CNTT tại Thư viện tỉnh	Hoàn thành	2.517	DT	2012-2014
25	Bảo Bình Dương	Trang bị bộ sung thiết bị phục vụ Bảo Bình Dương điện tử giai đoạn 2	Hoàn thành	3.482	DT	2014-2015
26	Sở Cảnh sát PCCC	Ứng dụng công nghệ thông tin tại Sở PCCC	Đang thực hiện	2.731	DT	2015-2016
TỔNG				177.154		

STT	Tên dự án	Trạng thái	TMBT Phê duyệt (triệu đồng)
8	Ứng dụng CNTT tại Trung tâm Y tế Đr An	Đang triển khai gói thầu	2.167
9	Ứng dụng CNTT tại Trung tâm Y tế Bến Cát	Đang triển khai gói thầu	966
10	Trường Chính trị	Ứng dụng CNTT tại Trường Chính trị	Đang triển khai gói thầu
11	Sở Giao thông Vận tải	Hệ thống cấp giấy phép lái xe	Hoàn thành 2012
12	Sở Tài nguyên Môi trường	Xây dựng hệ thống thông tin kết xuất tự động	Hoàn thành 2013
13	Sở Giao thông Vận tải	Xây dựng website của Sở GTVT	Hoàn thành 2013
14	Sở Tài nguyên Môi trường	Xây dựng công trình thông tin điện tử Sở Tài Nguyên và Môi trường	Hoàn thành 2013
15	Văn phòng Tỉnh ủy	Nâng cấp TT dữ liệu	Hoàn thành 2013
16	Sở Tài nguyên Môi trường	Ứng dụng GIS trong công tác quản lý khoáng sản	Hoàn thành 2013
17	Liên hiệp các hội KHKT tỉnh	Nâng cấp website LHH	Hoàn thành 2013
18	Văn phòng Hội đồng nhân dân	Đầu tư trang thiết bị (máy tính bảng) cho đại biểu hội đồng nhân dân	Hoàn thành 2013
19	Sở Thông tin và Truyền thông	Triển khai phần mềm quản lý hành chính 1 cửa cấp huyện	Hoàn thành 2013
20	Trung tâm Giới thiệu việc làm (Số LBTBXH)	Phần mềm quản lý tin nhân hỗ trợ thị trường lao động,	Hoàn thành 2014
21	Sở Tài nguyên và Môi trường	Số hóa tài liệu lưu trữ CSDL TMMT giai đoạn I	Hoàn thành 2014
22	Chi Cục Thú y	Ứng dụng CNTT tại Chi Cục Thú y	Hoàn thành 2014
23	Sở Ngoại Vụ	Xây dựng website của Sở Ngoại vụ	Hoàn thành 2015
24	Sở Thông tin và Truyền thông	Trang bị bộ sung thiết bị bảo mật cho các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh	Hoàn thành 2015
25	Sở Nội vụ	Nâng cấp website cung cấp dịch vụ công mức 3	Hoàn thành 2015
26	Sở Thông tin và Truyền thông	Nâng cấp Công trình thông tin điện tử tỉnh Bình Dương	Hoàn thành 2015
27	Sở Thông tin và Truyền thông	Mua sắm bàn phím phần mềm MS	Hoàn thành 2015



STT	Chủ đầu tư	Tên dự án	Trạng thái	TMDT Phê duyệt (triệu đồng)
28	Sở Thông tin và Truyền thông	Tăng cường sử dụng văn bản điện tử	Hoàn thành 2015	765
29	Sở Thông tin và Truyền thông	Nâng cấp mở rộng một cửa cấp huyện	Hoàn thành 2015	1.694
30	Sở Giao thông Vận tải	Mua sắm trang thiết bị phục vụ in giấy phép lái xe trên the PET	Hoàn thành 2015	500
31	Sở Thông tin và Truyền thông	Trang bị bổ sung thiết bị cho các cơ quan thuộc diện di dời	Hoàn thành 2015	2.880
32	Sở Tài nguyên và Môi trường	Số hóa tài liệu lưu trữ CSDL TNMT 2015	Hoàn thành 2015	1.788
		Tổng		40.264

Phụ lục 2
HIỆN TRẠNG CSDL TRỌNG ĐIỂM CỦA TỈNH GIAI ĐOẠN 2011-2015
(Báo cáo thực hiện theo Kế hoạch số 104/KH-UBND ngày 10/5/2016 của UBND tỉnh)

STT	Tên cơ sở dữ liệu (CSDL)	Cơ quan chủ trì	Hiện trạng
I Nhiệm vụ trước năm 2011			
1	Văn bản quy phạm pháp luật tỉnh	VP UBND tỉnh	Hoàn thành
2	Cán bộ công chức tỉnh	Sở Nội vụ	Hoàn thành, đang chờ nâng cấp
3	GIS cơ sở dùng chung cho các chuyên ngành	Sở KH&CN	Hoàn thành, nhưng không có phương án khai thác, cập nhật
4	GIS chuyên ngành Tài nguyên môi trường	Sở TNMT	Hoàn thành
5	Dân cư	Công an tỉnh	Hoàn thành, tuy nhiên chưa triển khai chia sẻ cho các cơ quan liên quan.
6	Doanh nghiệp và các tổ chức sản xuất kinh doanh	Sở Công Thương	Năm 2015, chuyển cho Sở Kế hoạch và Đầu tư làm chủ đầu tư, đang lập dự án.
7	Tài chính	Sở Tài chính	Xin ngưng thực hiện, được UBND tỉnh chấp thuận
II Nhiệm vụ giai đoạn 2011 – 2015			
1	Lao động và chính sách xã hội	Sở LĐTBXH	Hoàn thành
2	Đơn, thư khiếu nại tố cáo và giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo	Thanh tra tỉnh	Hoàn thành, đã thực hiện cơ sở dữ liệu thuộc phạm vi quản lý trực tiếp của Thanh tra tỉnh
3	GIS Danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử văn hoá, bảo tàng, các hoạt động Văn hoá, lễ hội và du lịch	Sở VH TT & Du lịch	Hoàn thành
4	GIS chuyên ngành Quy hoạch đô thị và đầu tư xây dựng cơ bản tỉnh	Sở Xây dựng	Hoàn thành
5	Công chứng, chứng thực, giám định tư pháp, hộ tịch, lý lịch tư pháp, luật sư, quốc tịch	Sở Tư pháp	Chưa triển khai

6	Hệ thống các bệnh viện, các trung tâm y tế, các phòng khám, phòng thuốc trên địa bàn tỉnh	Sở Y tế	Chưa triển khai
7	GIS chuyên ngành Giao thông vận tải trên địa bàn tỉnh	Sở GTVT	Xin ngưng thực hiện, được UBND tỉnh chấp thuận



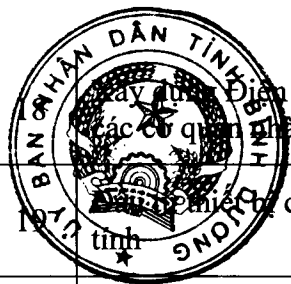
Phụ lục 3

DANH MỤC DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÔNG VỀ CNTT GIAI ĐOẠN 2016-2020

(Thêm theo Kế hoạch số 1404/KH-UBND ngày 10/5/2016 của UBND tỉnh)

Thông tin dự án					Năm thực hiện				
STT	Danh mục dự án	Địa điểm thực hiện	Chủ đầu tư	Tổng mức đầu tư (triệu đồng)	2016	2017	2018	2019	2020
1	Ứng dụng CNTT tại Bệnh viện đa khoa giai đoạn 2	Bệnh viện đa khoa tỉnh	Bệnh viện đa khoa tỉnh	3.232					
2	Xây dựng CSDL về chứng thực, luật sư, giám định tư pháp	Sở Tư pháp	Sở Tư pháp	8.000					
3	Hoàn thiện Cổng thông tin điện tử và dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4, hệ thống thông tin liên lạc hỗ trợ người dân và doanh nghiệp	Trung tâm Thông tin điện tử	Sở Thông tin và Truyền thông	26.710					
4	Đầu tư nâng cấp hạ tầng CNTT Tòa nhà trung tâm hành chính	Tòa nhà Trung tâm Hành chính tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông	23.328					
5	Xây dựng Hệ thống thông tin địa lý và các phần mềm chuyên ngành xây dựng giai đoạn 2	Phòng quản lý đô thị của 8 huyện, thị xã	Sở Xây dựng	19.999					
6	Ứng dụng CNTT tại 9 Trung tâm Y tế cấp huyện và 91 trạm y tế xã, phường, thị trấn	Trung tâm Y tế cấp huyện và trạm y tế xã phường, thị trấn	Sở Y tế	18.000					
7	Xây dựng hệ thống xác thực đa nhân tố	Trung tâm Thông tin điện tử	Sở Thông tin và Truyền	5.973					

			thông						
8	Đầu tư trang thiết bị hội nghị truyền hình trực tuyến giữa cấp tỉnh và cấp huyện	Văn phòng UBND tỉnh, UBND cấp huyện	Sở Thông tin và Truyền thông	6.969					
9	Trang thiết bị hạ tầng kỹ thuật cho UBND cấp xã GD 2	47 UBND cấp xã	Sở Thông tin và Truyền thông	15.230					
10	Số hóa tài liệu lịch sử giai đoạn 2016-2020	Chi cục văn thư lưu trữ	Chi cục văn thư lưu trữ	18.000					
11	Triển khai hệ thống camera quan sát an ninh	Tỉnh Bình Dương	Công an tỉnh	5.024					
12	Xây dựng văn phòng điện tử tại Công an huyện, thị xã, thành phố	Văn phòng Công an tỉnh, phòng ban trực thuộc và công an cấp huyện	Công an tỉnh	4.430					
13	Ứng dụng CNTT trong thực hiện nhiệm vụ quân sự - quốc phòng của lực lượng vũ trang tỉnh	Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Bình Dương	Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Bình Dương	2.950					
14	Xây dựng hệ thống phần mềm nền tảng chia sẻ, tích hợp dữ liệu cấp tỉnh	Trung tâm Thông tin điện tử	Sở Thông tin và Truyền thông	44.450					
15	Xây dựng CSDL doanh nghiệp tỉnh Bình Dương	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Sở Kế hoạch và Đầu tư	14.988					
16	Đầu tư thiết bị bảo mật cho các Trung tâm dữ liệu	Trung tâm Thông tin điện tử	Sở Thông tin và Truyền thông	9.894					
17	Trang thiết bị hạ tầng kỹ thuật cho UBND cấp xã GD 1	44 UBND cấp xã	Sở Thông tin và Truyền thông	18.000					



	Điện toán đám mây dùng riêng cho các cơ quan nhà nước	Trung tâm Thông tin điện tử	Sở Thông tin và Truyền thông	10.596				
	Đảm nhiệm tư công cụ nhiệm vụ ứng cứu máy tính	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở Thông tin và Truyền thông	14.523				
20	Đầu tư cho Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông đổi mới hoạt động dịch vụ, tư vấn phát triển CNTT và đảm nhiệm vai trò Trung tâm dữ liệu dự phòng	Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông	Sở Thông tin và Truyền thông	24.990				
21	Xây dựng hệ thống máy trạm ảo VDI	Trung tâm Thông tin điện tử	Sở Thông tin và Truyền thông	15.425				
Tổng				310.711				



Phụ lục 4

MỤC NHÓM CÁC DỊCH VỤ CÔNG ĐƯỢC ƯU TIÊN CUNG CẤP TRỰC TUYẾN MỨC ĐỘ 4

Kế hoạch số 14/KH-UBND ngày 10/5/2016 của UBND tỉnh

I. CẤP TỈNH	
STT	Nhóm thủ tục hành chính
1.	Cấp giấy phép thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam
2.	Cấp phép văn phòng đại diện
3.	Đăng ký giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh xăng dầu
4.	Đăng ký giấy phép kinh doanh buôn bán các sản phẩm rượu
5.	Cấp phép kinh doanh bán buôn sản phẩm thuốc lá
6.	Cấp chứng chỉ hành nghề cho kỹ sư, kiến trúc sư
7.	Cấp chứng chỉ hành nghề giám sát thi công xây dựng công trình
8.	Định giá, môi giới bất động sản
9.	Cấp chứng chỉ kỹ sư định giá xây dựng
10.	Cấp giấy phép xây dựng
11.	Cấp phép quy hoạch xây dựng
12.	Cấp phép bur chính
13.	Cấp chứng chỉ nghề buôn bán thuốc bảo vệ thực vật
14.	Cấp chứng nhận hành nghề kinh doanh thuốc thú y
15.	Cấp chứng nhận hoạt động tàu cá
16.	Giấy phép khai thác thủy sản
17.	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, sơ chế rau quả, an toàn
18.	Cấp phiếu lý lịch tư pháp
19.	Đăng ký văn phòng giao dịch tổ chức hành nghề luật sư
20.	Đăng ký hành nghề luật sư
21.	Khai sinh có yếu tố nước ngoài
22.	Giám hộ có yếu tố nước ngoài
23.	Cấp, đổi giấy phép lái xe
24.	Cấp phù hiệu xe tuyến cố định và sổ nhật trình chạy xe
25.	Cấp, đổi giấy phép kinh doanh vận tải
26.	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp
27.	Cấp giấy chứng nhận đầu tư
28.	Cấp phép lao động cho người nước ngoài
29.	Cấp giấy chứng nhận hoạt động Tổ chức khoa học và công nghệ
30.	Cấp giấy chứng nhận, chứng chỉ hành nghề y tế tư nhân
31.	Cấp chứng chỉ hành nghề dược
32.	Cấp giấy chứng nhận kinh doanh thuốc
33.	Cấp hộ chiếu công vụ, ngoại giao
34.	Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất
35.	Chuyển đổi mục đích sử dụng đất
36.	Tặng, thừa kế, thế chấp, giao, cho thuê quyền sử dụng đất

37.	Cấp phép lĩnh vực tài nguyên nước
38.	Cấp phép khoáng sản
39.	Cấp giấy phép biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp
40.	Cấp giấy phép thực hiện quảng cáo
II. CẤP HUYỆN	
STT	Nhóm thủ tục hành chính
1.	Đăng ký kinh doanh hộ kinh doanh
2.	Đăng ký kinh doanh hợp tác xã
3.	Đăng ký kinh doanh bia rượu thuốc lá
4.	Cấp phép vệ sinh an toàn thực phẩm
5.	Cấp phép xây dựng nhà ở riêng lẻ
6.	Đăng ký góp vốn bằng quyền sử dụng đất
7.	Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất
8.	Cấp giấy phép các hoạt động sử dụng vỉa hè, lề đường
III. CẤP PHƯỜNG/XÃ	
STT	Nhóm thủ tục hành chính
1.	Khai sinh
2.	Kết hôn
3.	Đăng ký việc giám hộ
4.	Giấy phép xây dựng nhà ở riêng lẻ
5.	Đăng ký thành lập nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập